

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1.2. Tên tiếng Anh: (THEMATIC HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM)
1.3. Mã học phần:	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	10 tiết
- Tự học	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS.GVC. Nguyễn Văn Duy
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Hoàng Thanh Tuấn
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học
	Kinh tế chính trị
	Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời

kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2021) và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng (1930 - 2021).

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2021) và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng (1930 - 2021).

2.2.2. Về kỹ năng

- Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, và có khả năng bình luận, đánh giá trong giải quyết những vấn đề chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Sinh viên có khả năng, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.

2.2.3. Về thái độ

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác – Lênin , tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
Về kiến thức	
CLO1	Sinh viên nắm, hiểu sâu nội dung về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
CLO2	Sự lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc từ năm 1930 đến nay.
Về kỹ năng	

CLO3	Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
CLO4	Sinh viên biết vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào giải quyết những vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.
Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO5	Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. Thực hiện nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng.
CLO6	Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	I											
CLO 2		I										
CLO 3			I	I								
CLO 4												
CLO 5										I		
CLO6											I	I
Tổng hợp học phần	I	I	I	I						I	I	I

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	<i>Hướng dẫn phương pháp đánh giá</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.		X		Điểm danh Quan sát, theo dõi
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	10%	A1.1. Tuần 4 Bài: Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng		X	CLO 1	Bài kiểm tra từng cá nhân sinh viên
A3. Bài tập lớn	10%	A1.2. Tuần 13: kinh nghiệm của Đảng về kháng chiến chống Pháp		X	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Làm bài tập lớn khoảng, chia nhóm 5 -7 sinh viên

A5. Đánh giá cuối kỳ	70%	- Chuyên đề 1: Lịch sử Đảng giai đoạn 1930-1945 - Chuyên đề 2: Lịch sử Đảng giai đoạn 1945-1975 - Chuyên đề 3: Lịch sử Đảng giai đoạn 1975-2021			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Thi tự luận - Làm bài trắc nghiệm
----------------------	-----	--	--	--	--	--

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CDR	PP giảng dạy, tài liệu và	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
-----------------------------	--	--------------------	-------------------------------------	----------------------------	------------------------------------	-------------------------------	------------------------

				nào ở bảng 4.1	cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR		(ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>0.1. Đối tượng nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>0.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử đảng cộng sản việt nam</p> <p>0.2.1. Chức năng của khoa học lịch sử Đảng</p> <p>0.2.2. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng</p>	3 LT	1. Hiểu tổng quan những nội dung học phần, tiếp cận tinh thần, thái độ học tập môn học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	PP thuyết trình,		

	<p>0.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>0.3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học</p> <p>0.3.2. Các phương pháp cụ thể</p>					
2	<p>Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)</p> <p>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.1.1. Bối cảnh lịch sử.</p> <p>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng.</p> <p>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p>	5LT/3TT	<p>1. Hiểu Cung cấp cho sinh viên những nội dung khách quan, chân thực về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, giá trị lý luận và thực tiễn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Bối cảnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng trong 15 năm tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).</p> <p>2. Nắm được nội dung Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng. Từ những kiến thức lịch sử của quá</p>	<p><i>CLO1</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> <i>CLO5</i> <i>CLO6</i></p>	<p>- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung và (C9,10) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: - Đọc hiểu và Bài tập Multiple choice(T1 1 và 16)</p>

	<p>1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào (1932-1935)</p> <p>1.2.2. Phong trào dân chủ (1936-1939)</p> <p>1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945)</p> <p>1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.</p>		<p>trình chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945), góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.</p> <p>3. Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan từ các sự kiện lịch sử Đảng, góp phần nâng cao năng lực nhận thức đúng đắn về tiến trình Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam.</p>				
3	Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC,	5LT/3TT	<p>1. Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng</p>	<p><i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> <i>CLO5</i> <i>CLO6</i></p>	<p>- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà:</p>	

	<p>THÔNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)</p> <p>2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</p> <p>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1945 – 1950)</p> <p>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi (1951-1954)</p> <p>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>2.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế</p>		<p>đối với hai cuộc kháng chiến chống chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thời kỳ 1945-1975.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nội dung đường lối và quá trình chỉ đạo thực hiện đường lối kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945-1975).</p> <p>2. Nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.</p> <p>Tăng cường lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp</p>		<p>quyết vấn đề... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>Đọc trước nội dung và (C9,10) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: - Đọc hiểu và Bài tập Multiple choice(T1 1 và 16)</p>
--	---	--	--	--	--	--

	<p>quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <p>2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)</p> <p>2.2.2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975)</p> <p>2.2.3. Ý nghĩa kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975</p>		<p>cách mạng của dân tộc, thống nhất đất nước và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử các cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng.</p> <p>3. Trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng.</p> <p>Nâng cao khả năng vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn của người học trong quá trình học tập, nghiên cứu, giảng dạy và công tác có liên quan đến chuyên môn Lịch sử Đảng.</p>				
4	<p>Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ</p>	5LT/3TT	<p>1. Giúp sinh viên nắm được Cương lĩnh, đường lối, và những tri thức có hệ thống</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4</p>	<p>- PP thuyết trình,</p>	<p>- Phản chuẩn bị ở nhà:</p>	

	<p>NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2021)</p> <p>3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986)</p> <p>3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)</p> <p>3.1.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)</p> <p>3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)</p> <p>3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996</p> <p>3.2.2. Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2018)</p>		<p>về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.</p> <p>2. Củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018), củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay.</p> <p>3. Rèn luyện cho học viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận</p>	<p><i>CLO5</i> <i>CLO6</i></p>	<p>nêu vấn đề, giải quyết vấn đề... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p>	<p>Đọc trước nội dung và (C9,10) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: - Đọc hiểu và Bài tập Multiple choice(T1 1 và 16)</p>	
--	--	--	--	------------------------------------	---	--	--

	3.2.3. Thành tựu, hạn chế, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới		dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.				
5	Ôn tập và kiểm tra	3 t			
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ Giáo dục Đào tạo	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)	Chính trị Quốc gia Sự thật
2	TS.GVC. Nguyễn Văn Duy	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)	Trung tâm học liệu
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Bộ Giáo dục Đào tạo	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)	Chính trị Quốc gia Sự thật
4	TS.GVC. Nguyễn Văn Duy	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)	Trung tâm học liệu
5	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các môn Khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	2018	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A	Máy tính	01	
2		Máy chiếu	01	
3		Loa	01	

9. Rubric đánh giá

Rubric 1:

ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN, THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

- Sinh viên:

.....

- Lớp:

.....

- Thời gian quan sát: từ..... đến.....

- Người đánh giá:

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt		
	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt
1. Đi học chuyên cần	Không tham gia học trên lớp >20% số tiết HP	Tham gia học trên lớp từ 20%-70% số tiết HP	Tham gia học trên lớp từ 71%-100% số tiết HP
Thang điểm: 20	< 5	15 - 25	20
2. Chăm chú nghe giảng	Chưa chăm chú nghe giảng, thường xuyên nói chuyện riêng.	Chăm chú nghe giảng, đôi khi còn nói chuyện riêng.	Thường xuyên chăm chú nghe giảng
Thang điểm: 20	< 5	15 - 20	20
3. Phát biểu xây dựng bài	Chỉ phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu.	Phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu; đôi khi chủ động xin được phát biểu ý kiến	Tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài.
Thang điểm: 30	< 5	15 - 25	30
4. Tôn trọng nội quy trường, lớp	Không tôn trọng thầy cô, bạn bè, nội quy trường, lớp	Tôn trọng thầy cô, bạn bè nhưng đôi khi không thực hiện đúng nội quy trường, lớp	Tôn trọng thầy cô, bạn bè; chấp hành đúng nội quy trường, lớp
Thang điểm: 30	< 5	15 - 20	30
Tổng điểm:	< 5	60 - 90	100

Rubric 2:

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HỌC TẬP TRÊN LỚP

- Sinh viên:.....

- GV nhận xét:.....

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt			
	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
1. Nêu được...	Không nêu được	Nêu được... nhưng còn sơ sài, chưa chính xác...	Nêu được đầy đủ, chính xác...	Nêu được đầy đủ, chính xác...; nêu được VD minh họa.
Thang điểm: 5	0	2	3	5
2. Trình bày được...	Không trình bày được.	Trình bày được nhưng còn sơ sài.	Trình bày được đầy đủ, rõ ràng	Trình bày được đầy đủ, rõ ràng, phân tích được VD để minh chứng.
Thang điểm: 5	0	3	4	5
3. Giải thích được...	Không giải thích được	Giải thích rõ ràng và chưa đầy đủ	Giải thích rõ ràng nhưng chưa đầy đủ	Giải thích rõ ràng và đầy đủ
Thang điểm: 10	0	5	7	10
4. Nhận biết được trách nhiệm của SV...	Không nhận biết được	Nhận biết được nhưng chưa đầy đủ	Nhận biết đầy đủ	Nhận biết đầy đủ, có ý thức về trách nhiệm của SV...
Thang điểm: 15	0	5	9	15
5. Thực hiện được những việc làm thể hiện...	Không thực hiện được	Thực hiện được nhưng không thường xuyên	Thường xuyên thực hiện được	Thường xuyên thực hiện và nhắc nhở người khác thực hiện
Thang điểm: 20	0	10	14	20
6. Đánh giá được...	Không đánh giá được	Đánh giá được nhưng còn đơn giản; đôi khi mang tính chủ quan	Đánh giá được một cách sâu sắc; đôi khi mang tính chủ quan	Đánh giá sâu sắc, khách quan, công bằng
Thang điểm: 20	0	10	14	20

7. Phê phán được...	Không phê phán được	Phê phán được; đôi khi không thường xuyên	Thường xuyên phê phán được; đôi khi chưa thuyết phục	Thường xuyên phê phán thẳng thắn, thuyết phục
Thang điểm: 25	0	15	19	25
Tổng điểm: 100	0	50	70	100

Rubric 3:

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC Ở NHÀ

- Sinh viên:.....

- GV nhận xét:.....

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt			
	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
1. Chuẩn bị tài liệu	Không chuẩn bị	Có chuẩn bị nhưng còn sơ sài	Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp	Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp, có các tài liệu khác liên quan
Thang điểm: 20	0	10	15	20
2. Nghiên cứu trước bài học	Không đọc trước bài học	Có đọc trước bài học nhưng không cẩn thận	Đọc kỹ trước bài học	Đọc kỹ trước bài học và có những trao đổi liên quan đến bài học
Thang điểm: 20	0	10	15	20
3. Làm bài tập	Không làm bài tập	Có làm bài tập nhưng không đầy đủ	Làm bài tập đầy đủ	Làm bài tập đầy đủ, đúng yêu cầu, có sáng tạo
Thang điểm: 20	0	10	16	20

4. Năng lực khai thác và ứng dụng CNTT	Không khai thác và ứng dụng CNTT	Có khai thác và ứng dụng CNTT nhưng không hiệu quả	Có khai thác và ứng dụng CNTT hiệu quả	Có khai thác và ứng dụng CNTT hiệu quả, sáng tạo
Thang điểm: 20	0	10	17	20
5. Năng lực cập nhật các thông tin thời sự liên quan	Không cập nhật các thông tin thời sự liên quan	Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan nhưng không phù hợp	Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan phù hợp	Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan phù hợp, phong phú
Thang điểm: 20	0	10	17	20
Tổng điểm: 100	0	50	80	100

Rubric 4:

ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG HOẠT ĐỘNG NHÓM

- Nhóm sinh

viên:.....

- GV nhận xét:.....

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt			
	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
1. Tinh thần hợp tác trong nhóm	Hợp tác không tốt	Hợp tác tốt nhưng đôi khi còn một vài hạn chế	Thường xuyên hợp tác tốt nhưng đôi khi hiệu quả chưa cao	Luôn luôn hợp tác, biết tổ chức và thuyết phục người khác
Thang điểm: 15	0	8	12	15
2. Thái độ làm việc của nhóm	Không tự giác, không tích cực, không sôi nổi	Đã quan tâm đến nhiệm vụ nhưng chưa tích cực, chưa tự giác	Tự giác, tích cực, sôi nổi	Tự giác, tích cực, sôi nổi, có hiệu quả tốt

Thang điểm: 15	0	8	13	15
3. Sản phẩm	Không đạt yêu cầu	Đạt yêu cầu nhưng chưa độc đáo, chưa phong phú	Đạt yêu cầu, độc đáo, phong phú	Đạt yêu cầu, độc đáo, phong phú, có giá trị lý luận và thực tiễn cao
Thang điểm: 15	0	8	12	15
4. Năng lực thuyết trình, báo cáo	Không thuyết trình, báo cáo	Có thuyết trình, báo cáo nhưng chưa đầy đủ, chưa hấp dẫn	Thuyết trình, báo cáo đầy đủ, hấp dẫn	Thuyết trình, báo cáo đầy đủ, hấp dẫn, chất lượng, có ý nghĩa giáo dục cao
Thang điểm: 20	0	9	15	20
5. Tương tác với các nhóm khác	Không tương tác với các nhóm khác	Có tương tác với các nhóm khác nhưng chưa nhiệt tình	Có tương tác với các nhóm khác rất nhiệt tình, hăng say	Tương tác nhiệt tình, hăng say với các nhóm khác mang lại hiệu quả cao cho bài học
Thang điểm: 20	0	9	15	20
6. Năng lực khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin	Không khai thác và ứng dụng CNTT, không cập nhật thông tin	Có khai thác và ứng dụng CNTT, có cập nhật thông tin nhưng không thường xuyên, còn sơ sài	Thường xuyên khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin đa dạng, phong phú	Luôn luôn khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin đáp ứng hiệu quả, chất lượng sản phẩm nhóm
Thang điểm: 15	0	8	13	15
Tổng điểm: 100	0	50	80	100

Rubric 5:*(Phiếu này dùng cho sinh viên và nhóm sinh viên tự đánh giá)***ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG NHÓM**

- Sinh viên tự đánh

giá:.....Nhóm:.....

- Nhóm đánh

giá:.....

Tiêu chí	Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt			
	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành rất tốt
1. Tham gia họp nhóm	Không họp buổi nào	Có mặt 2/3 số buổi họp; một số buổi họp vắng mặt không có lí do chính đáng	Có mặt trong hầu hết các cuộc họp. Đôi khi vắng mặt có lí do chính đáng	Có mặt đầy đủ
Thang điểm: 20	0	10	15	20
2. Tham gia đóng góp ý kiến	Không buổi nào	Một vài buổi	Thường xuyên	Tích cực
Thang điểm: 20	0	10	16	20
3. Lắng nghe ý kiến của các thành viên khác	Không lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm	Lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác trong nhóm, nhưng không thường xuyên	Thường xuyên lắng nghe ý kiến của các thành viên khác	Thường xuyên lắng nghe và phản hồi ý kiến của các thành viên khác
Thang điểm: 20	0	10	15	20
4. Hoàn thành công việc của nhóm giao đúng thời hạn, có chất lượng	Không hoàn thành	Hoàn thành nhưng không đúng thời hạn, chất lượng trung bình	Hoàn thành với chất lượng tốt nhưng đôi khi không đúng thời hạn	Luôn luôn hoàn thành đúng thời hạn và chất lượng xuất sắc
Thang điểm: 20	0	10	17	20

5. Có ý tưởng mới, hay, sáng tạo	Không có ý tưởng mới	Thỉnh thoảng có ý tưởng mới	Thường xuyên có ý tưởng mới nhưng đôi khi chưa phù hợp	Luôn luôn có ý tưởng mới và sáng tạo
Thang điểm: 20	0	10	17	20
Tổng điểm: 100	0	50	80	100

Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Văn Duy

Nguyễn Văn Duy